

Bản án số: 311/2023/DS - PT

Ngày: 23/11/2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
ranh giới, mốc giới liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới, mốc giới liền kề*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2023/QĐ-PT ngày 6 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văn Bá P, sinh năm 1959; địa chỉ: 61 đường H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh S. sinh năm 1973; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; địa chỉ: 63 đường H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Hiện trú tại: tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Cao T - Luật sư Văn phòng Luật sư Bá T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú ở nước ngoài: USA (Hoa K).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Ông Văn Bá C, sinh năm 1968; địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng.

3. Bà Phạm Thị S. Sinh năm 1977; Nơi ĐKNKTT: thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: 63 đường H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng.

- Cơ quan Giám định:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình T – Chuyên viên Phòng đo đạc và KTKT của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, có mặt

2. Công ty CP Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính X Miền Trung; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng nhưng có đơn xét xử vắng mặt (văn bản số 119/2023/CV-BTCMT ngày 20/11/2023, do Giám đốc Đặng Thị B ký).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và các lời khai kế tiếp, nguyên đơn là ông Văn Bá P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh S trình bày: Vợ chồng ông được cha mẹ cho thừa đất số 50, tờ bản đồ số 40b, diện tích 190,1m² đã được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 251687 ngày 09/02/2006. Cha mẹ ông cũng cho ông Văn Bá C thừa đất bên cạnh thừa đất của ông và cũng được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/2006 với diện tích 81,9m². Khi cha mẹ cho đất, hai anh em tiến hành xây dựng nhà cấp 4 mãi đến năm 2020, ông tiến hành xây dựng ngôi nhà 4 tầng, do trước đây xây dựng nhà em ông có lấn qua phần đất nhà ông theo hình tam giác ở phía mặt sau là 0,4m đến tận phía mặt tiền. Hai anh em có trao đổi sau này em ông sửa lại nhà sẽ trả lại phần đất mà mình đã chiếm tạm tính là 5,2m² vì nhà em ông đang ở nên không thể đập phá. Nhưng cách đây 2 năm, em ông là Văn Bá C đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N thừa đất trên. Tháng 05/2021, ông N tiến hành sửa chữa lại ngôi nhà đã mua và tiếp tục xây lấn sang phần đất của ông. Ông có nói với ông N về hồ sơ của hai thửa đất và đề nghị ông N trả lại phần đất đã lấn chiếm nhưng ông N không đồng ý. Nay ông yêu cầu buộc ông N phải trả lại diện tích đã lấn chiếm sang nhà ông theo hình tam

giác là $5,2m^2$ và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên phần diện tích đất của ông.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:* Ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, 112 tờ bản đồ số 62,40 B theo bản đồ địa chính thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất có chiều ngang mặt tiền 11,24m (bao gồm 2 mặt tiền nhà bà Hồ Thị A 8,24m và ông Văn Bá C 3m), chiều ngang mặt hậu 15,15m (bao gồm 3 nhà trên giấy tờ: Ông Văn Bá K 3,91 m; bà Hồ Thị A 8,24m; ông Văn Bá C 3m). Thế nhưng, trong khoảng thời gian dịch Covid năm 2020, ông Văn Bá P đã tiến hành xây dựng nhà, tháo dỡ bờ rào giữa nhà ông và ông P mà ông không được thông báo về việc này. Tự tiện đục hàng rào giữa hai nhà và vận chuyển vật liệu xây dựng, xà bần thông thẳng qua nhà ông khi ông không có mặt tại Đà Nẵng. Khi ông trở lại địa phương để sửa chữa nhà ông thì ông P đã hoàn tất xây dựng xong nhà cao tầng và tố cáo ông lấn chiếm đất. Từ năm 2019 đến nay, sau khi ông mua thửa đất này, ông vẫn để nguyên trạng khu nhà, không xây dựng, chỉ sửa chữa lợp mái, lát gạch sân và sơn tường lại khu nhà cũ. Ông tiến hành đo đạc lại thì phát hiện mặt tiền thửa đất của ông chỉ còn 11,10m, thiếu 0,14m và mặt hậu còn 15,07m, thiếu 0,07m nên việc ông P khởi kiện là không đúng sự thật nên ông không đồng ý trả lại đất như ông P yêu cầu.

Ngày 13/6/2023, ông Nguyễn Văn N gửi văn bản nêu ý kiến không đồng ý kết quả thẩm định do Công ty CP Thẩm định giá và dịch vụ Tài chính X Miền Trung đưa ra với số tiền 591.000.000 đồng/4,9m² đất. Ông cho rằng kết quả và giá trị thẩm định nêu trên là chưa đúng và quá cao so với giá thị trường. Ông yêu cầu Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định giá lại do Phòng Tài chính thành phố Đà Nẵng thẩm định lại tài sản tranh chấp tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 40B và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 40B nay là tờ bản đồ số 62 tại số 61 và 63 đường H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Bà Phạm Thị L trình bày:* Bà là vợ của ông Văn Bá P thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông P.

+ *Ông Văn Bá C trình bày:* Nguyên thủy trước đây cha ông là ông Văn Duân có 01 thửa đất lớn tại đường H, sau đó cha ông cắt đất cho 2 anh em. Hai thửa đất mà cha cho nằm sát nhau. Khi cắt cho đất thì trên đất là đất trống, đến khi cha ông làm tạm ngôi nhà cấp 4 thì thấy đất bị xéo nên cha ông có xây lán qua một phần đất hình tam giác để cho miếng đất vuông vức. Trước khi làm ngôi nhà tạm cấp 4 thì đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 724529 ngày 17/7/2006 tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 40B, diện tích 81,9m². Lúc cha ông làm qua như vậy thì ông không biết, sau này cho đến lúc bán cho ông N ông

cũng không xây dựng gì thêm. Khi cha cho đất thì đất ông P được cho cũng chưa có nhà, là đất trống, sau đó ông P làm nhà nhưng phần nhà xây không hết đất, chừa lại phần đất phía sau mà nay đang tranh chấp là đất trống, Năm 2019, ông chuyển nhượng thửa đất của mình cho ông Nguyễn Văn N, ông bán theo như diện tích ghi trong sổ. Mãi sau này ông P đập nhà cũ để xây hết phần đất phía sau còn trống, ông P đo đạc thì thấy phần đất phía sau bị thiếu nên ông P mới khởi kiện ông N trả lại phần diện tích đất theo kết quả đo đạc là 4,9m². Ý kiến của ông nên hòa giải thì tốt nhất. Nếu hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Bà Phạm Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản tự khai trình bày ý kiến của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 175 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Bá P đối với ông Nguyễn Văn N về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới, mốc giới liên kề*”.

Giữ nguyên hiện trạng, buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ bồi trả cho ông Văn Bá P giá trị quyền sử dụng đất ở đô thị là: 117.000.588 đồng/m² x 4,9m = 573.302.881 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn tám trăm tám mươi một đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, kháng cáo với nội dung không đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm lại để đảm bảo quyền lợi cho ông (người kháng cáo không nộp tài liệu chứng cứ bổ sung gì).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy Bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ranh giới đất tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng khẳng định rằng, Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm, chỉ buộc bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn chỉ 3,6m² đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; kết quả tranh tụng và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 251687 do UBND quận N cấp ngày 09/02/2006 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 40b, diện tích đất 190, 1m² (Nhà nước công nhận quyền sở hữu nhà ở: Nhà ở ba tầng, tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch hoa, diện tích xây dựng: 67,5m². Diện tích sử dụng: 159m²) do ông Văn Bá P và bà Phạm Thị L đứng tên quyền sở hữu. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 724529 do UBND quận N cấp ngày 17/7/2006 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 40b, diện tích đất 81,9m² do ông Văn Bá C đứng tên quyền sở hữu. Ngày 29/7/2019, ông Văn Bá C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 40b do Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm công chứng, chứng thực. Ngày 23/8/2019/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N xác nhận chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn N, số thửa đất thay đổi lại là 112, số mới của tờ bản đồ là 62 do cập nhật theo bản đồ địa chính theo hồ sơ số 002074. TD.001. Hiện nay ngôi nhà của ông Nguyễn Văn N nằm trên 2 thửa đất: Thửa 112, tờ bản đồ là 62, diện tích đất 81,9m² nhận chuyển nhượng từ ông Văn Bá C và thửa đất số 51, tờ bản đồ 62, diện tích 248,2m² nhận chuyển nhượng từ bà Hồ Thị A. Tuy nhiên, để xác định bên nào dư hay thiếu đất thì cần xác định ranh giới đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 hộ mà cụ thể là xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Văn Bá P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Văn Bá C. Ở đây, Tòa án đã trưng cầu đo đạc đối với 02 thửa đất liền kề trên. Kết quả đo đạc hiện trạng thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa 02 hộ (BL 264,265) thể hiện: Ranh giới thửa đất do ông Văn Bá P xác định hiện trạng thực tế đang sử dụng là 186,5m², trong

khi đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 190,1m². Khi cập nhật hiện trạng đất thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích 4,9m² đất tranh chấp này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Văn Bá P. Nếu cộng cả phần diện tích đất tranh chấp thì ông Văn Bá P dư 1,3m². Tuy nhiên, phần diện tích ông P dư nằm ở vị trí khác. Sau này chủ hộ nào tiếp giáp với ông P có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ kiện khác. Ranh giới thửa đất do ông Nguyễn Văn N xác định hiện trạng thực tế là 86,8 m², trong khi đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N là 81,9m², ông N dư 4,9m².

[3] Mặt khác, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Văn Bá C, bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn N, nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất số AE 724529 do UBND N cấp ngày 17/7/2006, thửa 112, tờ bản đồ số 40B, diện tích 81,9m² (được văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm công chứng ngày 29/7/2019-BL 22). Như vậy, ông N nhận chuyển nhượng 81,9m², hiện trạng thực tế sử dụng 86,8m², cho nên có căn cứ xác định phần diện tích đất 4,9m² mà ông N đang sử dụng nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Văn Bá P.

[4] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2022 (BL-116) thì trên phần diện tích đất tranh chấp có một phần diện tích công trình xây dựng nhà ở 2 tầng, kết cấu trụ khung dầm, sàn đúc, bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa matit sơn màu thuộc quyền sử dụng của ông P và nhà một tầng có kết cấu trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, matit sơn màu do ông N đang quản lý sử dụng, nếu buộc tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất sẽ ảnh hưởng đến kết cấu cả hai nhà. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng, buộc ông Nguyễn Văn N bồi trả cho ông Văn Bá P giá trị quyền sử dụng đất ở đô thị theo kết quả chứng thư thẩm định giá của Công ty CP Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính X Miền Trung: $117.000.588 \text{ đồng/m}^2 \times 4,9\text{m}^2 = 573.302.881 \text{ đồng}$.

[5] Theo ông Văn Bá C thì khi chuyển nhượng nhà đất cho ông Nguyễn Văn N không chỉ ranh giới mà mua bán theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này ông N cũng không có yêu cầu độc lập gì đối với ông Văn Bá C nên HĐXX cấp sơ thẩm không đề cập đến, sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác là phù hợp.

[6] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử huỷ Bản án sơ thẩm, thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, đã tiến hành trưng cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc thửa đất, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn cũng thừa nhận không có đơn yêu cầu đo đạc lại hay yêu cầu xem xét thẩm định lại. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm

nhưng không đưa ra được các căn cứ phải huỷ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng 81,9m² đất từ ông Văn Bá C, hiện nay ông N sử dụng theo xác định hiện trạng thực tế là 86,8m² đất, như vậy ông N dư 4,9m². Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn về đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc huỷ án, đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở để chấp nhận; bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 175 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Bá P đối với ông Nguyễn Văn N về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới, mốc giới liền kề”*.

Giữ nguyên hiện trạng, buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ bồi trả cho ông Văn Bá P giá trị quyền sử dụng đất ở đô thị là: 117.000.588 đồng/m² x 4,9m = 573.302.881 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn tám trăm tám mươi mốt đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001412 ngày 25/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường